

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-TCDS ngày 12 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T; địa chỉ: số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ pháp lý (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông Đào Tùng L; địa chỉ: số 108; đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Chị Đậu Thị T. Địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đậu Ngọc Q và bà Trương Thị P. Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Ông Đậu Ngọc Q và Trương Thị P ủy quyền cho chị Đậu Thị T tham gia tố tụng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 24/5/2021 chị Đậu Thị T còn nợ Ngân hàng T tổng cộng số tiền là **963.028.786 đồng** (*Chín trăm sáu mươi ba triệu không trăm hai tám ngàn bảy trăm tám sáu đồng*), trong đó số tiền gốc là 779.999.955 đồng, số tiền lãi là 183.028.831 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1812181139808/QTH/HĐCV ngày 21/12/2018; Khế ước nhận nợ số LN1812181139808/QTH/HĐCV ngày 25/9/2019.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng chị T đã thế chấp tài sản đảm bảo để thực hiện hợp đồng trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 971694 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 16/10/2017 mang tên Lê Văn B và Đậu Thị T theo Hợp đồng thế chấp số LN1812181139808/QTH/HĐTC-1 ngày 20/12/2018.

Để bảo đảm cho khoản vay của chị T có Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba: Vợ chồng ông Đậu Ngọc Q và Trương Thị P đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất số BD 781983 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 16/6/2011 mang tên Đậu Ngọc Q và Trương Thị P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LN1812181139808/QTH/HĐTC-2 ngày 20/12/2018

- **Về phương án trả nợ:** Các bên thống nhất thỏa thuận phương án trả nợ như sau:

Chậm nhất đến ngày 25/6/2021 chị Đậu Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền 963.028.786 đồng (*chín trăm sáu mươi ba triệu không trăm hai tám ngàn bảy trăm tám sáu đồng*), trong đó số tiền gốc là 779.999.955 đồng, số tiền lãi là 183.028.831 đồng.

Trường hợp chị T không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP V thì phía Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của chị T và tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bên thứ ba thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của chị T để thu hồi nợ bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60 tờ bản đồ số 54 tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 971694 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 16/10/2017 mang tên Lê Văn B và Đậu Thị T theo Hợp đồng thế chấp số LN1812181139808/QTH/HĐTC-1 ngày 20/12/2018.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224, tờ bản đồ số 10 tại thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 781983 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 16/6/2011 mang tên Đậu Ngọc Q và Trương Thị P

theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số LN1812181139808/QTH/HĐTC-2 ngày 20/12/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 24/5/2021) chị Đậu Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

- Về chi phí tố tụng: Các bên thỏa thuận chị Đậu Thị T chịu 6.000.000 đồng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại hai thửa đất là: thửa đất số 60 tờ bản đồ số 54 tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và thửa đất số 224 tờ bản đồ số 10 tại thôn Trung Vũ, xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị T phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP V.

- Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 20.445.000 (*Hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xét chị T có đơn đề nghị miễn án phí do chị T thuộc đối tượng hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn phải một mình nuôi ba con nhỏ và đã được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận Hộ nghèo vì vậy Tòa án miễn toàn bộ án phí cho chị Đậu Thị T.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 20.224.000 đồng mà Ngân hàng TMCP V đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007526 ngày 12/01/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

